

Số: 221 /BC-UBND

Kiên Giang, ngày 02 tháng 7 năm 2020

BÁO CÁO
Đánh giá bổ sung tình hình kinh tế - xã hội
tỉnh Kiên Giang năm 2019

Kính gửi: Thường trực HĐND tỉnh.

Tại Kỳ họp thứ 16 HĐND tỉnh (khóa IX), UBND tỉnh đã báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2019 và phương hướng nhiệm vụ năm 2020 (Báo cáo số 394/BC-UBND ngày 10/12/2019). Theo nội dung đã báo cáo, kết quả thực hiện các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2019 có 18/22 chỉ tiêu đạt và vượt kế hoạch (trong đó: Đạt 12 chỉ tiêu, vượt 06 chỉ tiêu), 04/22 chỉ tiêu không đạt kế hoạch.

Tiếp tục thực hiện nhiệm vụ trong tháng cuối năm 2019, UBND tỉnh đã tăng cường chỉ đạo các sở, ngành và địa phương kiên định mục tiêu đề ra, tiếp tục thực hiện đồng bộ, quyết liệt các nhiệm vụ, giải pháp trên các lĩnh vực. Với sự nỗ lực quyết tâm cao của cả hệ thống chính trị, nhân dân và cộng đồng doanh nghiệp nên kết quả thực hiện các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2019 so với Nghị quyết HĐND giao và báo cáo tại Kỳ họp thứ 16, đến nay qua đánh giá lại có 17/22 chỉ tiêu đạt và vượt kế hoạch. Trong đó: Đạt 10 chỉ tiêu (giảm 02), vượt 07 chỉ tiêu (tăng 01), 05/22 chỉ tiêu không đạt kế hoạch (tăng 01). Cụ thể như sau:

- 01/22 chỉ tiêu vượt kế hoạch cao hơn:

Năm 2019, HĐND tỉnh giao tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn là 10.440 tỷ đồng. Tại Báo cáo số 394/BC-UBND, ước tổng thu ngân sách trên địa bàn là 11.018 tỷ đồng, vượt kế hoạch đề ra. Kết thúc năm 2019, kết quả thực hiện là 12.033,8 tỷ đồng, đạt 115,3% so với dự toán, tăng 9,2% so ước thực hiện (tăng tuyệt đối 1.015,8 tỷ đồng).

- 02/22 chỉ tiêu từ “đạt kế hoạch” sang “vượt kế hoạch”:

+ Chỉ tiêu tổng kim ngạch xuất khẩu trên địa bàn: HĐND giao năm 2019 là 680 triệu USD. Tại Báo cáo số 394/BC-UBND, ước tổng kim ngạch xuất khẩu trên địa bàn là 680 triệu USD, đạt kế hoạch. Kết thúc năm 2019, kết quả thực hiện là 680,76 triệu USD, đạt 100,11% kế hoạch, tăng 0,11% so ước thực hiện (tăng tuyệt đối 0,76 triệu USD).

+ Chỉ tiêu tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ: HĐND giao năm 2019 là 108.200 tỷ đồng. Tại Báo cáo số 394/BC-UBND, ước tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ trên địa bàn là 108.221 tỷ đồng, đạt kế hoạch. Kết thúc năm 2019, kết quả thực hiện là 108.334 tỷ đồng, đạt 100,12% kế hoạch, tăng 0,1% so ước thực hiện (tăng tuyệt đối 113 tỷ đồng).

- 01/22 chỉ tiêu giảm từ “vượt kế hoạch” thành “đạt kế hoạch”:

Năm 2019, HĐND tỉnh giao tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng trên địa bàn là 12,6%. Tại Báo cáo số 394/BC-UBND, ước tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng trên địa bàn là 8,8%, vượt kế hoạch. Kết thúc năm 2019, khảo sát kết quả thực hiện là 12,6%, đạt 100% kế hoạch, giảm 3,8% so ước thực hiện.

- 01/22 chỉ tiêu tăng từ “đạt kế hoạch” thành “không đạt kế hoạch”:

Chỉ tiêu *giảm tỷ lệ sinh* HĐND giao năm 2019 là 0,2%. Tại báo cáo số 394/BC-UBND, ước giảm tỷ lệ sinh trên địa bàn năm 2019 là 0,2%, bằng kế hoạch giao. Kết thúc năm 2019, qua Tổng điều tra dân số, so sánh tỷ suất sinh thô giữa 2 năm 2018 và 2019, tỷ suất sinh thô năm 2018 là 13,07‰, tỷ suất sinh thô năm 2019 là 13,9‰, do đó mức sinh năm 2019 nhiều hơn mức sinh năm 2018 là 0,83%, nên chỉ tiêu này không đạt kế hoạch.

- 02/22 chỉ tiêu tuy đánh giá lại vẫn không đạt kế hoạch nhưng đã tăng tỷ lệ % hoàn thành so với kế hoạch năm 2019:

+ Chỉ tiêu tốc độ tăng trưởng kinh tế, HĐND giao năm 2019 là 7,8%. Tại Báo cáo số 394/BC-UBND, ước tốc độ tăng trưởng kinh tế năm 2019 là 7,3%, không đạt kế hoạch. Kết thúc năm 2019, kết quả thực hiện là 7,305%, thấp hơn kế hoạch 0,495%, nhưng tăng 0,005% so ước thực hiện (tăng tuyệt đối 3,85 tỷ đồng giá trị tăng thêm).

+ Chỉ tiêu tổng vốn đầu tư toàn xã hội, HĐND giao năm 2019 là 48.083,6 tỷ đồng. Tại Báo cáo số 394/BC-UBND, ước tổng vốn đầu tư toàn xã hội trên địa bàn là 45.435,1 tỷ đồng, không đạt kế hoạch. Kết thúc năm 2019, kết quả thực hiện là 47.932,6 tỷ đồng, đạt 99,86% so với dự toán, tăng 5,5% so ước thực hiện (tăng tuyệt đối 2.497,5 tỷ đồng).

- 15/22 chỉ tiêu còn lại không có thay đổi sau khi đánh giá lại.

- Các lĩnh vực văn hóa, xã hội, môi trường; công tác cải cách hành chính, phòng chống tham nhũng; quốc phòng, an ninh, đối ngoại được tăng cường đảm bảo hoàn thành các kế hoạch, nhiệm vụ đề ra.

Như vậy, qua đánh giá lại tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2019, so với báo cáo ước thực hiện năm 2019 tại Kỳ họp thứ 11, đến nay

có thêm 01 chỉ tiêu không đạt kế hoạch (chỉ tiêu giảm tỷ lệ sinh) các chỉ tiêu còn lại tuy không làm thay đổi kết quả đánh giá đạt và không đạt nhưng nhìn chung giá trị thực hiện một số ngành, lĩnh vực có tăng hơn so với dự báo và tiến đến gần đạt kế hoạch đề ra (kèm theo phụ biểu các chỉ tiêu kinh tế - xã hội năm 2019).

Trên đây là báo cáo đánh giá bổ sung tình hình kinh tế - xã hội năm 2019, UBND tỉnh báo cáo HĐND tỉnh./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thành viên UBND tỉnh;
- Các Sở, ngành cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Văn phòng HĐND tỉnh (10b);
- LĐVP; CVNC;
- Lưu: VT, btkien.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Phạm Vũ Hồng





Phụ lục:

PHỤ LỤC GIÁ BỔ SUNG KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2019

Ban hành kèm theo Báo cáo số: 221 /BC-UBND ngày 04/7/2020 của UBND tỉnh)

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2019	Số đã báo cáo HĐND		Số đánh giá lại		So sánh giữa hai lần đánh giá
			Ước thực hiện	So với KH	Thực hiện	So với KH	
1. Tốc độ tăng trưởng GRDP (Giá SS 2010)	%	7,8	7,3	Không đạt	7,305	Không đạt	Tăng hơn
Trong đó: - Giá trị gia tăng GRDP	Tỷ đồng	67.200	66.913,9		66.917,7		
- Thu nhập quân đầu người (GRDP)	USD	2.181	2.338		2.338		
2. Tốc độ tăng GTSX ngành nông nghiệp (Giá SS 2010)	%	4,07	2,41	Không đạt	2,41	Không đạt	Không đổi
- Tổng sản lượng lúa	Nghìn tấn	4.300	4.285,8		4.291,51		
3. Tốc độ tăng GTSX ngành thủy sản	%	7,62	4,66	Không đạt	4,66	Không đạt	Không đổi
- Tổng sản lượng thủy sản	Tấn	834.000	845.430		845.498		
+ Khai thác	Tấn	591.000	600.145		600.140		
+ Nuôi trồng	Tấn	243.000	245.285		245.358		
Trong đó: tôm nuôi	Tấn	76.000	82.726		82.767		
4. Tốc độ tăng GTSX công nghiệp	%	9,2	10,07	Vượt	10,07	Vượt	Không đổi
- GTSX ngành công nghiệp (giá SS 2010)	Tỷ đồng	47.282,5	47.662		47.662		
5. Kim ngạch xuất khẩu trên địa bàn	Triệu USD	680	680	Đạt	680,76	Vượt	Tăng hơn
- Kim ngạch nhập khẩu trên địa bàn	Triệu USD	60	135		136,91		
6. Tổng mức bán lẻ hàng hoá và dịch vụ	Tỷ đồng	108.200	108.221	Đạt	108.334	Vượt	Tăng hơn
- Tốc độ tăng tổng mức bán lẻ	%	14,46	12,45		10,8		
7. Tổng thu ngân sách trên địa bàn	Tỷ đồng	10.440	11,018	Vượt	12.033,8	Vượt	Tăng hơn
8. Tổng chi ngân sách trên địa bàn	Tỷ đồng	15.081,05	14.621,59	Đạt	14,818,85	Đạt	Tăng hơn
- Trong đó: Chi đầu tư phát triển	Tỷ đồng	5.582,56	4.698,7		4.721,75		
9. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội	Tỷ đồng	48.083,6	45.435,1	Không đạt	47.932,6	Không đạt	Tăng hơn
10. Tỷ lệ nhựa hóa hoặc bê tông hóa đường GTNT áp và liên ấp	%	328 km; 83,4%	392,7 km; 84,38%	Vượt	392,7 km; 84,38%	Vượt	Không đổi

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2019	Số đã báo cáo HĐND		Số đánh giá lại		So sánh giữa hai lần đánh giá
			Ước thực hiện	So với KH	Thực hiện	So với KH	
11. Nâng số xã đạt tiêu chí xã NTM	Xã	thêm 12 xã để đạt 63 xã	64 xã	Vượt	64 xã	Vượt	Không đổi
12. Tỷ lệ dân số sử dụng nước hợp vệ sinh, trong đó:				Đạt		Đạt	Không đổi
- Tỷ lệ dân số đô thị được cấp nước sạch		86,2	86,2		86,2		
- Tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh		96,79	97,27		97,27		
13. Tỷ lệ hộ sử dụng điện lưới quốc gia	%	99,2	99,2	Đạt	99,2	Đạt	Không đổi
14. Số người được giải quyết việc làm	Lượt người	35.000	36.642	Vượt	36.642	Vượt	Không đổi
15. Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	64	64,3	Đạt	64,3	Đạt	Không đổi
Trong đó: Đào tạo nghề có bằng cấp chứng chỉ	%	49	49		49		
16. Giảm tỷ lệ hộ nghèo	%	Giảm từ 1%-1,5%	1,45	Đạt	1,45	Đạt	Không đổi
17. Giảm tỷ lệ sinh	‰	0,2	0,2	Đạt	+0,83	Không đạt	Giảm hơn
- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên	‰	5	5		7,20		
18. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng	%	12,6	8,8	Vượt	12,6	Đạt	Giảm hơn
19. Tỷ lệ huy động HS 6-14 tuổi đến trường	%	>96	96,06	Đạt	96,06	Đạt	Không đổi
20. Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế	%	88	88	Đạt	88	Đạt	Không đổi
21. Công tác tuyên quân	%	100	100	Đạt	100	Đạt	Không đổi
22. Giảm số vụ tai nạn giao thông so cùng kỳ	Vụ	Giảm so với năm 2018	Giảm 67 vụ	Đạt	Giảm 67 vụ	Đạt	Không đổi